**PHỤ LỤC X**

BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP  
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY TNHH MTV**  **LÂM NGHIỆP&DV CHÚC A**  **MST: 3000106650**  Số /BC-CHUCA | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**    *Chúc A, ngày tháng 5 năm 2018* |

**1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp**

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng đối với người lao động: Trả lương theo thời gian và lương khoán.

+) Lương theo thời gian: Căn cứ vào bảng chấm công hàng tháng, mức độ hoàn thành công việc và hệ số lương theo quy chế trả lương hiện hành của Công ty.

+) Lương khoán: Căn cứ khối lượng sản phẩm hoàn thành, có biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc.

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp: Được tính theo Nghị định 51/NĐ-CP ngày 15/5/2013 của Chính phủ.

b) Quỹ tiền lương kế hoạch

- Quỹ tiền lương kế hoạch của lao động: Căn cứ kế hoạch của nhà nước giao, Công ty xây dựng dự toán quỹ tiền lương chi trả cho người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp: Căn cứ theo Nghị định 51/NĐ-CP để chi trả.

c) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động: Hằng năm trả hết tiền lương cho người lao động theo quy chế trả lương của Công ty, nếu còn thừa thì trả thêm lần nữa và trích một khoản để chi thưởng cho người lao động.

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp: Căn cứ nguồn thu từ dịch vụ công hàng năm để xây dựng quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, tỷ lệ phần trăm được hưởng.

**2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp**

**BIỂU BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2017**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **Năm 2017** | | **Năm 2018** |
| **Kế hoạch** | **Thực hiện** | **Kế hoạch** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| **I** | **HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP** |  | I | I | I |
| **II** | **TIỀN LƯƠNG CỦA LAO ĐỘNG** |  |  |  |  |
| 1 | Lao động | Người | 33 | 32 | 32 |
| 2 | Mức tiền lương bình quân | 1.000 đ/tháng | 4.158 | 3.718 | 4.000 |
| 3 | Quỹ tiền lương | Triệu đồng | 1.597 | 1.331 | 1.500 |
| 4 | Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động | Triệu đồng | 90 | 97 | 100 |
| 5 | Thu nhập bình quân | 1.000 đ/tháng | 4.158 | 3.718 | 4.000 |
| **III** | **TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP** |  |  |  |  |
| 1 | Số người quản lý doanh nghiệp | Người | 3 | 3 | 3 |
| 2 | Mức lương cơ bản bình quân | Triệuđồng/tháng | 14 | 9,1 | 10 |
| 3 | Quỹ tiền lương | Triệu đồng | 504 | 305 | 350 |
| 4 | Mức tiền lương bình quân | Triệuđồng/tháng | 14 | 9,1 | 10 |
| 5 | Qũy tiền thưởng |  | 28 | 25 | 25 |
| 6 | Tiền thưởng, thu nhập | Triệu đồng | 28 | 25 | 25 |
| 7 | Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý | Triệuđồng/tháng | 14 | 9,1 | 10 |

- Nhận xét, đánh giá về quỹ tiền lương, tiền thưởng: Công ty đang chủ yếu thực hiện nhiệm vụ công ích nên thu nhập còn thấp, quỹ tiền lương, tiền thưởng thấp.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích năm 2018. Kính trình UBND tỉnh Hà Tĩnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giúp đỡ để doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu TC, VT. | **GIÁM ĐỐC**  **Dương Văn Thắng** |